TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng;

2. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1984.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ 02)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình tố tụng vụ án thì Nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc T và Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày như sau: Sau khi tìm hiểu thì chị T và anh H thống nhất sống với nhau như vợ chồng tại nhà riêng gần nhà cha mẹ ruột của chị T ở ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 22/9/2007. Thời gian đầu vợ chồng chị T, anh H sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Hu, sinh ngày 09/11/2006; Nguyễn Nhất Du, sinh ngày 11/01/2013, theo chị T khai do cuộc sống gia đình khó khăn nên vợ chồng thường hay cải vã và đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, nên chị T cùng 02 người con sang nhà cha mẹ ruột chị T sống, anh H thì sống tại nhà chung và chị T không còn sống chung với anh H kể từ đó đến nay.

Nay chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh H; Tại biên bản hòa giải ngày 17/7/2020, thì anh H cho rằng cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng, nên anh H không thống nhất ly hôn.

Về con chung: Tại biên bản hòa giải ngày 17/7/2020 chị T và anh H thống nhất nếu cho ly hôn thì: Giao cho chị T được nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Huỳnh Hưởng, sinh ngày 09/11/2006; Nguyễn Nhất Duy, sinh ngày 11/01/2013 (Theo nguyện vọng của hai con là muốn sống với mẹ và hiện đang sống với mẹ); Chị T không yêu cầu cấp dưỡng và anh H cũng không tự nguyện về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H vẫn có quyền thăm nom con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Ngọc T. Về con chung: Giao cho chị T được nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Huỳnh Hưởng, sinh ngày 09/11/2006; Nguyễn Nhất Duy, sinh ngày 11/01/2013. Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

và bị đơn cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập xét xử lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn H.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở sự tự nguyện của chị T và anh H sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Khánh A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 22 tháng 9 năm 2007 nên quan hệ hôn nhân của chị T với anh H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống chị T, anh H thừa nhận thời gian đầu có H phúc và sinh được hai người con chung tên Nguyễn Huỳnh Hưởng, sinh ngày 09/11/2006; Nguyễn Nhất Duy, sinh ngày 11/01/2013, sau đó tình cảm vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hợp và bắt đầu không còn sống chung kể từ đầu năm 2020 đến nay. Nay chị T khởi kiện xin được ly hôn với anh H, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn; Anh H thì không đồng ý ly hôn, vì cho rằng còn thương yêu vợ, con và có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng. Hội đồng xét xử, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị T kiên quyết ly hôn, anh H thì không có lý lẽ tích cực trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, đều đó chứng tỏ chị T đã không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mà anh H lại không thiện chí trong việc kết nối lại tình cảm vợ chồng như theo lời nói của mình (Cụ thể nhà ở gần và trong quá trình giải quyết tại Tòa án đã triệu tập nhiều lần để tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh H đều vắng mặt, thậm chí tại các phiên tòa anh H cũng cố tình vắng mặt), điều này thể hiện anh H không có ý chí muốn đoàn tụ với chị T nên việc chị T xin ly hôn là có cơ sở. Từ đó thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T với anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Theo chị T, anh H trình bày và theo các giấy khai sinh thể hiện thì chị T, anh H có 02 con chung: Tên Nguyễn Huỳnh Hư, sinh ngày 09/11/2006; Nguyễn Nhất Du, sinh ngày 11/01/2013, hiện đang sống với chị T và chị T, anh H thống nhất giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng (Cũng theo nguyện vọng của hai con là sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu. Xét thấy việc thỏa thuận này của chị T với anh H là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T chưa yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì chị T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/0001329 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm, chị T không phải nộp thêm; Anh H không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Ngọc T, cho chị Huỳnh Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Giao cho chị Huỳnh Ngọc T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Huỳnh Hưởng, sinh ngày 09/11/2006; Nguyễn Nhất Duy, sinh ngày 11/01/2013, hiện đang sống với chị Huỳnh Ngọc T; Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Huỳnh Ngọc T chưa yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Huỳnh Ngọc T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do chị Huỳnh Ngọc T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/0001329 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Huỳnh Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm, chị T không phải nộp thêm.

- Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Chí Thức